

Bản án số: 01/2024/HS-ST

Ngày: 05/01/2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ. H - TỈNH K. T**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Quách Văn N

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Bà Lê Thị Nh – Nghề nghiệp: Giáo viên

2/ Ông Dương Văn Th – Nghề nghiệp: Giáo viên

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị D - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ. H, tỉnh K. T.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ. H, tỉnh K. T tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Gi - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 01 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ. H, tỉnh K. T, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 49/2023/TLST-HS ngày 01 tháng 12 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 43/2023/QĐXXST-HS ngày 22 tháng 12 năm 2023 đối với bị cáo: **A Th**; sinh ngày 14/4/2006 tại: tỉnh K. T; Giới tính: Nam; Nơi đăng ký HKTT và chỗ ở hiện nay: Thôn Đ. M, xã Đ. M, huyện Đ. H, tỉnh K. T; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Ba Na; Tôn giáo: Công giáo; Trình độ học vấn: 09/12; Nghề nghiệp: Làm nông. Con ông A Th; sinh năm: 1972 và bà Y L; sinh năm: 1980; cùng địa chỉ: Thôn Đ. M, xã Đ. M, huyện Đ. H, tỉnh K. T; bị cáo chưa có vợ con. Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

Người đại diện hợp pháp của bị cáo và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Ông A Th; sinh năm: 1972 và bà Y L; sinh năm: 1980; cùng địa chỉ: Thôn Đ. M, xã Đ. M, huyện Đ. H, tỉnh K. T. Có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo: Ông Nguyễn Văn Đ – Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh K. T. Có mặt.

- Bị hại: A N; sinh năm: 1998; địa chỉ: Thôn Đ. M, xã Đ. M, huyện Đ. H, tỉnh K. T. Có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Nguyễn Văn Ng; sinh năm: 1995; địa chỉ: Thôn Đ. M, xã Đ. M, huyện Đ. H, tỉnh K. T. Vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 15 giờ 00 phút ngày 24/9/2023, A Th đi đánh cá tại sông thuộc thôn Đ. M, xã Đ. M, huyện Đ. H, tỉnh K. T thì nhìn thấy chiếc thuyền của anh A N neo đậu bên bờ sông, trên thuyền có máy nổ và dàn kim loại gắn chân vịt (dùng để chạy thuyền) nên đã nảy sinh ý định trộm cắp chiếc máy nổ và dàn kim loại gắn chân vịt trên để bán lấy tiền tiêu xài cá nhân. Sau đó, A Th đi đến nhà Nguyễn Văn Ng và hỏi Ng: "*Em có cái máy đi thuyền, anh có mua không?*", Ng nói: "*Chờ lên đây, xem rồi mới mua*". Đến khoảng 19 giờ 00 phút cùng ngày, A Th cầm theo một cần kim loại hình chữ "T" dùng để mở ốc vít ở nhà rồi đi bộ ra nơi neo đậu thuyền của anh A N. Khi ra đến nơi, A Th sử dụng cần chữ "T" cạy ô khóa rồi mang máy nổ đi cất giấu gần đó. Đến khoảng 20 giờ 00 phút cùng ngày, A Th nói Ng đi chở máy thì Ng đồng ý và điều khiển xe mô tô Wave biển kiểm soát: 81G1-205.57 chở A Th đi đến bên neo đậu thuyền. Khi đến nơi, A Th bung máy nổ và dàn kim loại gắn chân vịt ngồi sau xe còn Ng điều khiển đi về nhà A Th. Tại đây, A Th bán máy nổ và dàn kim loại gắn chân vịt cho Ng với số tiền 800.000đ (*Tám trăm ngàn đồng*).

Kết luận định giá tài sản số: số 39/KL-HĐĐG ngày 13/10/2023 của Hội đồng định giá tài sản thường xuyên trong tổ tụng hình sự huyện Đ. H kết luận:

- 01 (một) máy nổ chạy bằng động cơ xăng, nhãn hiệu KABUTO KBT170X màu sơn cam đen có giá trị thành tiền là: 2.100.000đ (*Hai triệu một trăm ngàn đồng*);

- 01 (một) dàn kim loại được gắn với chân vịt (*gắn liền với máy nổ*) có giá trị thành tiền là: 1.200.000đ (*Một triệu hai trăm ngàn đồng*).

Tổng giá trị tài sản thành tiền là: 3.300.000đ (*Ba triệu ba trăm ngàn đồng*).

Tại bản Cáo trạng số: 44/CT-VKSĐH ngày 30 tháng 11 năm 2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ. H, tỉnh K. T truy tố bị cáo A Th về tội "*Trộm cắp tài sản*" quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ. H giữ nguyên quan điểm như cáo trạng, truy tố bị cáo A Th về tội "*Trộm cắp tài sản*" quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Đồng thời, đề nghị Hội đồng xét xử:

+ Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 36; Điều 90, Điều 91; Điều 100 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo A Th từ 06 tháng đến 09 tháng cải tạo không giam giữ.

Về vật chứng:

+ Đề nghị tịch thu tiêu hủy: 01 (một) cần kim loại, hình chữ "T" vặn ốc vít, bên trên có dòng chữ "RBREBEI", làm bằng kim loại, màu bạc, đã bị uốn cong, đã qua sử dụng;

+ Tịch thu sung quỹ nhà nước số tiền 300.000đ (*ba trăm ngàn đồng*).

Về dân sự: Bị hại A N đã nhận lại tài sản bị trộm cắp và không yêu cầu dân sự gì. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Văn Ng không yêu cầu bị cáo trả lại số tiền tiền 800.000đ (*Tám trăm ngàn đồng*). Ông A Th và bà Y L không yêu cầu bị cáo phải trả lại tiền mua máy nổ mới trả cho bị hại.

Về án phí hình sự sơ thẩm và quyền kháng cáo: Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết về phần án phí hình sự sơ thẩm đối với bị cáo và tuyên quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Người bào chữa cho bị cáo A Th trình bày: Thống nhất với tội danh và khung hình phạt Viện kiểm sát đã truy tố. Về hành vi phạm tội của bị cáo đã rõ. Về dân sự, bị hại không có yêu cầu gì thêm và đã làm đơn bãi nại, xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo. Bị cáo A Th là người có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự. Về tình tiết tăng nặng thì bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng nào. Về tình tiết giảm nhẹ, người bào chữa thống nhất với quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát, tuy nhiên, bị cáo A Th đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, là người dân tộc thiểu số, hiểu biết pháp luật còn hạn chế. Hoàn cảnh gia đình bị cáo cũng khó khăn, gia đình đông anh em nên cũng thiếu sự quan tâm của gia đình. Bị cáo phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn, tài sản đã được thu hồi. Khi thực hiện hành vi phạm tội thì bị cáo chưa thành niên nên đề nghị áp dụng các hình phạt đối với người chưa thành niên. Xử phạt bị cáo A Th 06 tháng cải tạo không giam giữ. Không khấu trừ thu nhập đối với bị cáo A Th.

Tại phiên tòa, các bị cáo thừa nhận hành vi của mình, không có ý kiến gì tranh luận đối với đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ. H, bị cáo A Th thống nhất với lời trình bày của Trợ giúp viên pháp lý và đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Đ. H, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ. H, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến, khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo:

Tại phiên tòa hôm nay, lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra và các chứng cứ tài liệu khác thu thập được trong quá trình điều tra có tại hồ sơ vụ án, phù hợp với nội dung cáo trạng Viện kiểm sát đã truy tố. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Lợi dụng sự sơ hở trong việc quản lý, trông coi tài sản của

bị hại, vào khoảng 19 giờ 00 phút ngày 24/9/2023, A Th đã lén lút trộm cắp 01 máy nổ và 01 dàn kim loại gắn chân vịt được gắn máy nổ tại Thôn Đ. M, xã Đ. M, huyện Đ.H, tỉnh K. T của anh A N với tổng giá trị tài sản là: 3.300.000đ (*Ba triệu ba trăm ngàn đồng*).

Vì vậy, có đủ cơ sở để Hội đồng xét xử kết luận, hành vi phạm tội của bị cáo A Th đã phạm tội “*Trộm cắp tài sản*” quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Cáo trạng Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ. H truy tố bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] *Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội:*

Hành vi phạm tội của bị cáo là hành vi nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm hại đến quyền sở hữu tài sản của công dân. Đây là vụ án ít nghiêm trọng, tại thời điểm thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo A Th chưa đủ 18 tuổi (mới 17 tuổi 05 tháng 09 ngày, thực hiện tội phạm với lỗi cố ý. Do đó, cần xử bị cáo mức án nghiêm minh tương ứng với hành vi phạm tội của bị cáo nhằm giáo dục riêng và phòng ngừa chung trong tình hình hiện nay.

[4] *Về nhân thân:* Trước khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo chưa có tiền án, tiền sự, xác định là người có nhân thân tốt.

[5] *Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:* bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự tại Điều 52 Bộ luật hình sự.

[6] *Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:* Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, bị cáo đã tác động gia đình tự nguyện bồi thường, khắc phục hậu quả cho người bị hại, bị hại không yêu cầu bồi thường gì thêm, ngoài ra, bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm b, i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự cần cho bị cáo được hưởng. Ngoài ra, người bị hại xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo, nên cần cho bị cáo hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại Khoản 2 Điều 51 BLHS để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

[7] Do khi phạm tội bị cáo A Th dưới 18 tuổi, nên Hội đồng xét xử căn cứ Chương XII của Bộ luật Hình sự quy định về xử lý hình sự đối với người dưới 18 tuổi phạm tội để xét xử đối với bị cáo. Khi quyết định hình phạt, căn cứ vào độ tuổi, khả năng nhận thức của bị cáo về tính chất nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội; tính chất, mức độ do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra; các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo như phân tích ở trên; bị cáo có địa chỉ nơi cư trú rõ ràng. Hội đồng xét xử xét thấy không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội, cho bị cáo mức án cải tạo không giam giữ cũng đủ để giáo dục, răn đe bị cáo và cũng thể hiện sự khoan hồng của pháp luật.

[8] *Về hình phạt bổ sung:* Căn cứ vào quy định tại khoản 6 Điều 91 Bộ luật Hình sự nên bị cáo A Th không phải chịu hình phạt bổ sung.

[9] *Về vật chứng:*

+ 01 (một) máy nổ nhãn hiệu KaBuTo, loại KBT170X, màu sơn cam đen, máy chạy bằng động cơ xăng;

+ 01 (một) dàn kim loại gắn chân vịt đã được gắn liền với máy nổ;

Ngày 27/11/2023, anh A N có đơn xin nhận lại tài sản là 01 (một) máy nổ nhãn hiệu KaBuTo KBT170X màu sơn cam đen, máy chạy bằng động cơ xăng và 01 (một) dàn kim loại gắn chân vịt đã được gắn liền với máy nổ để tiếp tục sử dụng. Ngày 28/11/2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đ. H đã ra Quyết định xử lý vật chứng bằng hình thức trả lại cho chủ sở hữu là anh A N tiếp tục quản lý, sử dụng. Xét thấy, việc xử lý vật chứng và tài sản tạm giữ của Cơ quan điều tra là phù hợp với quy định tại Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự nên Hội đồng xét xử không xem xét.

+ 01 (một) cần kim loại, hình chữ "T" vắn ốc vít, bên trên có dòng chữ "RBREBEL", làm bằng kim loại, màu bạc, đã bị uốn cong, đã qua sử dụng. Đây là vật chứng không có giá trị cần tịch thu tiêu hủy.

+ Số tiền 300.000đ (*ba trăm ngàn đồng*) là số tiền do phạm tội mà có của bị cáo cần tịch thu sung quỹ nhà nước.

[10] *Về trách nhiệm dân sự*: Bị cáo đã tác động gia đình mua máy nổ mới bồi thường cho người bị hại. Người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo và không có yêu cầu gì thêm. Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không yêu cầu bị cáo phải trả lại tiền. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét.

[11] *Về án phí*: Bị cáo bị kết án phải nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[12] *Về quyền kháng cáo*: Bị cáo, người đại diện hợp pháp của bị cáo, người bào chữa cho bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố các bị cáo A Th phạm tội "*Trộm cắp tài sản*".

1. Về hình phạt:

+ Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 36; Điều 90; Điều 91; Điều 100 của Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo A Th 06 (Sáu) tháng cải tạo không giam giữ.

Thời hạn cải tạo không giam giữ, tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã Đ. M, huyện Đ. H, tỉnh K. T, nhận được Quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Giao bị cáo A Th cho Ủy ban nhân dân xã Đ. M, huyện Đ. H, tỉnh K. T, giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trường hợp bị cáo A Th, thay đổi nơi cư trú thì việc giám sát bị cáo thực hiện theo Điều 100 Luật thi hành án hình sự.

2. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47; Điều 48 của Bộ luật hình sự; khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự:

- Tịch thu sung quỹ nhà nước số tiền: 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*). Theo Biên lai thu tiền số 0001005 ngày 14 tháng 12 năm 2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ. H.

- Tịch thu tiêu hủy: 01 (một) căn kim loại, hình chữ "T" vắn ốc vít, bên trên có dòng chữ "RBREBEL", làm bằng kim loại, màu bạc, đã bị uốn cong, đã qua sử dụng. (Các vật chứng có đặc điểm, hình dạng, kích thước như trong Biên bản giao nhận vật chứng tài sản ngày 15 tháng 12 năm 2023 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đ. H và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ. H được ban hành kèm theo Quyết định chuyển vật chứng số: 25/QĐ-VKS ngày 30/11/2023 của VKSND huyện Đ. H).

3. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 21; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo A Th phải nộp 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm để nộp vào Ngân sách Nhà nước.

2. Về quyền kháng cáo: Căn cứ các Điều 331; 332; 333 của Bộ luật tố tụng hình sự, bị cáo, người bào chữa cho bị cáo, người đại diện hợp pháp của bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

“Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND Tối cao;
- TANDCC tại Đ. N;
- TAND tỉnh K. T;
- VKSND tỉnh K. T;
- VKSND huyện Đ. H;
- Cơ quan CSĐT Công an huyện Đ. H;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Quách Văn N